

CPA HANOI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Thành viên hãng *AicA*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	06 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015</i>	10 - 11
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2015</i>	12
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2015</i>	13 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh sau này.
Vốn điều lệ:	135.000.000.000 đồng Việt Nam.
Hoạt động chính trong năm:	Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.
Trụ sở chính:	Số 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Trần Đức Thuận	Chủ tịch	30/06/2014	-
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	30/06/2014	-
Bà Trần Thị Bích Hạnh	Thành viên	30/06/2014	26/05/2015
Bà Dương Quỳnh	Thành viên	26/05/2015	-

(Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-ISC-2015 ngày 26 tháng 05 năm 2015, nhiệm kỳ 2015 – 2019).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Đức Thuận	Tổng Giám đốc	26/02/2009
Ông Nguyễn Xuân Trường	Kế toán trưởng	01/12/2008

Ban kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Dương Quang Thoại	Trưởng ban	30/06/2014	-
Ông Nguyễn Huy Phương	Thành viên	30/06/2014	-
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên	30/06/2014	26/05/2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên	26/05/2015	-

(Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-ISC-2015 ngày 26 tháng 05 năm 2015, nhiệm kỳ 2015 – 2019).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Đức Thuận.

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2016



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM
296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 16-2-0004/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam ("Công ty"), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 02 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty có thực hiện hoạt động mua bán nợ chuyển đổi theo Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-02/04-2015 được ký vào ngày 09/04/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) (xem thuyết minh số 11 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Theo đó, SCSC đồng ý bán một phần nợ chuyển đổi phát hành năm 2015 cho Công ty với giá trị khoản nợ là 29.383.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là trong vòng 2 năm kể từ ngày ký Hợp đồng mua nợ chuyển đổi, lãi suất đơn 4%/năm (lãi suất này sẽ không áp dụng đối với phần khoản nợ chuyển đổi đã được chuyển đổi thành cổ phần), thanh toán lãi một lần vào ngày tròn năm của khoản nợ chuyển đổi hàng năm. Khoản nợ sẽ được chuyển đổi thành cổ phần SCSC như sau: sau 12 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 60% số nợ trên thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần, sau 24 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 40% số nợ còn lại thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần. Nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC không đạt trên 60% (so với năm trước) thì không thực hiện việc chuyển đổi, SCSC sẽ hoàn trả nợ gốc cho Công ty. Nếu chuyển đổi thì SCSC sẽ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành. Nguồn vốn thực hiện khoản đầu tư trên bao gồm vốn tự có của Công ty (2.938.000.000 đồng) và vốn huy động (26.445.000.000 đồng). Vốn huy động là vốn nhận được từ Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với một doanh nghiệp khác. Theo đó, doanh nghiệp này sẽ góp vốn tương ứng với tỷ lệ 90% trên tổng vốn dùng để mua nợ chuyển đổi trên và Công ty góp vốn tương ứng với tỷ lệ 10% trên tổng vốn này. Sau khi kết thúc thời hạn hợp tác (2 năm), hiệu quả hợp tác góp vốn đầu tư được phân chia theo tỷ lệ Công ty và doanh nghiệp khác là 10:90.

Theo ý kiến của chúng tôi, các giao dịch nêu trên không phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 24 về khoản thu nhập khác từ cho thuê mặt bằng của Công ty. Công ty chưa đăng ký ngành nghề cho thuê tài sản.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 07 (bảy) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam giữ 06 (sáu) bản, chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 (một) bản.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2016



Tô Quang Tùng – Giám đốc chi nhánh
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

Hồ Đình Phúc – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN: 1268-2015-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		178.157.980.274	173.838.117.408
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>4</i>	<i>172.672.732.961</i>	<i>168.327.245.078</i>
1. Tiền	111		34.672.732.961	23.327.245.078
2. Các khoản tương đương tiền	112		138.000.000.000	145.000.000.000
<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>6</i>	<i>5.115.375.526</i>	<i>5.170.676.993</i>
1. Phải thu khách hàng	131		279.098.280	152.864.636
2. Trả trước cho người bán	132		-	20.000.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		4.592.611.551	4.652.234.579
4. Các khoản phải thu khác	138		22.970.237.574	23.040.032.885
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(22.726.571.879)	(22.694.455.107)
<i>III. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>369.871.787</i>	<i>340.195.337</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	170.483.000
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.000.000	1.000.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	<i>7</i>	368.871.787	168.712.337
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.757.590.469	4.415.812.305
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>188.040.730</i>	<i>980.978.043</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>8</i>	43.041.647	709.530.482
- Nguyên giá	222		6.775.195.115	6.775.195.115
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.732.153.468)	(6.065.664.633)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<i>9</i>	99.999.083	271.447.561
- Nguyên giá	228		1.154.058.000	1.154.058.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.054.058.917)	(882.610.439)
3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>10</i>	45.000.000	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>29.383.000.000</i>	<i>-</i>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	<i>11</i>	29.383.000.000	-
<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>3.186.549.739</i>	<i>3.434.834.262</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>12</i>	265.949.900	825.416.787
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	<i>13</i>	2.920.599.839	2.609.417.475
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		210.915.570.743	178.253.929.713

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		59.697.669.925	28.149.401.580
I. Nợ ngắn hạn	310		33.252.669.925	27.577.401.580
1. Phải trả người bán	312	14	1.489.914.993	345.658.098
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.034.991.786	1.559.008.398
3. Phải trả người lao động	315		729.453.772	1.277.110.255
4. Chi phí phải trả	316	16	72.821.291	32.500.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	29.203.322.267	23.658.828.022
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	112.384.773	94.515.764
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		201.541.043	201.541.043
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		408.240.000	408.240.000
II. Nợ dài hạn	330		26.445.000.000	572.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	26.445.000.000	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	572.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.217.900.818	150.104.528.133
I. Vốn chủ sở hữu	410		151.217.900.818	150.104.528.133
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.584.000.000	10.584.000.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.633.900.818	4.520.528.133
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		210.915.570.743	178.253.929.713

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Cuối năm	Đầu năm
		VND	VND
1. Chứng khoán lưu ký	006	380.119.830.000	354.055.680.000
Trong đó:			
<i>1.1. Chứng khoán giao dịch</i>	<i>007</i>	<i>201.376.350.000</i>	<i>182.515.630.000</i>
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	201.376.350.000	182.515.630.000
<i>1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	<i>012</i>	<i>23.192.900.000</i>	<i>14.550.000</i>
1.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	23.192.900.000	14.550.000
<i>1.3. Chứng khoán cầm cố</i>	<i>017</i>	<i>135.000.000.000</i>	<i>110.000.000.000</i>
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	135.000.000.000	110.000.000.000
<i>1.4. Chứng khoán chờ thanh toán</i>	<i>027</i>	<i>5.181.800.000</i>	<i>8.363.300.000</i>
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	5.181.800.000	8.363.300.000
<i>1.5. Chứng khoán chờ giao dịch</i>	<i>037</i>	<i>15.368.780.000</i>	<i>53.162.200.000</i>
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	15.368.780.000	53.162.200.000
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	31.238.420.000	25.209.590.000
Trong đó:			
<i>2.1. Chứng khoán giao dịch</i>	<i>051</i>	<i>30.807.420.000</i>	<i>25.068.590.000</i>
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	30.807.420.000	25.068.590.000
<i>2.2. Chứng khoán chờ thanh toán</i>	<i>071</i>	<i>431.000.000</i>	<i>141.000.000</i>
2.2.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	431.000.000	141.000.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Dương Quỳnh
Người lập biểu**Nguyễn Xuân Trường**
Kế toán trưởng**Trần Đức Thuận**
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
1. Doanh thu	01		7.537.274.626	9.267.146.997
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.856.389.504	4.709.645.406
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.270.000.000	1.415.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		260.929.926	239.803.489
- Doanh thu khác	01.9	21	2.149.955.196	2.902.698.102
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		7.537.274.626	9.267.146.997
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	22	2.783.618.670	4.109.098.928
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		4.753.655.956	5.158.048.069
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	8.152.028.693	8.836.310.971
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.398.372.737)	(3.678.262.902)
8. Thu nhập khác	31	24	5.641.564.165	8.291.382.045
9. Chi phí khác	32	25	865.000.319	24.922.824
10. Lợi nhuận khác	40		4.776.563.846	8.266.459.221
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.378.191.109	4.588.196.319
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	264.818.424	943.122.079
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.113.372.685	3.645.074.240
15. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	27	82	270

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Dương Quỳnh
Người lập biểu**Nguyễn Xuân Trường**
Kê toán trưởng**Trần Đức Thuận**
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</i>	01		<i>1.378.191.109</i>	<i>4.588.196.319</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ	02	8, 9	837.937.313	922.445.311
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	03 05		32.116.772 (1.248.350.618)	- (1.486.291.534)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<i>999.894.576</i>	<i>4.024.350.096</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(266.974.755)	179.861.936.216
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		32.226.572.000	(43.608.441.481)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		729.949.887	(855.416.787)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(943.122.079)	(479.354.679)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(10.000.000)	26.762.005
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(211.182.364)	(241.612.215)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>32.525.137.265</i>	<i>138.728.223.155</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45.000.000)	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	379.556.000.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(379.556.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(29.383.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.248.350.618	1.486.291.534
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>(28.179.649.382)</i>	<i>1.486.291.534</i>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.345.487.883	140.214.514.689
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		168.327.245.078	28.112.730.389
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	172.672.732.961	168.327.245.078

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Trường
Kê toán trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm		Số dư cuối năm						
	01/01/2014	01/01/2015	Năm trước		Năm nay						
	VND	VND	Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)					
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000	VND	VND	
2	Thặng dư vốn cổ phần	10.584.000.000	10.584.000.000	-	-	-	10.584.000.000	10.584.000.000	VND	VND	
3	Lợi nhuận chưa phân phối	875.453.893	4.520.528.133	3.645.074.240	-	1.113.372.685	-	4.520.528.133	5.633.900.818	VND	VND
	Cộng	146.459.453.893	150.104.528.133	3.645.074.240	-	1.113.372.685	-	150.104.528.133	151.217.900.818	VND	VND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Dương Quỳnh
Người lập biểu**Nguyễn Xuân Trường**
Kế toán trưởng**Trần Đức Thuận**
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008;
- Quyết định số 225/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 01 tháng 04 năm 2009 về việc thay đổi trụ sở kinh doanh;
- Quyết định số 294/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 01 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định số 339/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 07 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Trụ sở chính tại số 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 23 người, trong đó 10 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 23 người, trong đó 9 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý trong kỳ.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	-	7	năm
Tài sản cố định khác	3	-	4	năm
Phần mềm máy tính	5	-	7	năm

Chi phí chờ phân bổ

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Phí thành viên lưu ký tại trung tâm lưu ký chứng khoán;
- Phí quản lý thành viên, sử dụng đường truyền và thiết bị đầu cuối.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập vào ngày khóa sổ. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)*****Các bên liên quan***

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	2.493.214.642	2.447.294.559
Tiền gửi ngân hàng	32.179.518.319	20.879.950.519
<i>Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>28.542.015.875</i>	<i>20.332.679.152</i>
Tương đương tiền	138.000.000.000	145.000.000.000
Cộng	172.672.732.961	168.327.245.078

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,6%/năm.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>
		<i>VND</i>
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	126.435.349	2.311.346.974.600
Cộng	126.435.349	2.311.346.974.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM.

Điện thoại: (08) 3915 2188

Fax: (08) 3915 2189

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU****6.1. Tình hình tăng giảm các khoản phải thu**

Chi tiêu	Số đầu năm (VND)		Số phát sinh trong năm (VND) (Giảm)	Tổng số	Số cuối năm (VND)		Số dự phòng đã lập (VND)
	Tổng số	Số quá hạn			Số khó đòi	Số quá hạn	
- Phải thu của khách hàng	152.864.636	-	33.737.621.414	279.098.280	-	-	-
- Trả trước cho người bán	20.000.000	-	(20.000.000)	-	-	-	-
+ Ngán hạn	20.000.000	-	(20.000.000)	-	-	-	-
+ Dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.652.234.579	-	654.404.997.961	4.592.611.551	-	-	-
+ Phải thu Sở GD&ĐT	-	-	-	-	-	-	-
+ Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	4.652.234.579	-	654.404.997.961	4.592.611.551	-	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	383.932.093	-	-	-	-
- Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	23.040.032.885	22.694.455.107	526.582.467	22.970.237.574	22.726.571.879	22.726.571.879	22.726.571.879

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

6.2. Chi tiết các khoản phải thu khách hàng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Lê Phan Anh Thy	25.404.610	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Mục tiêu	-	76.572.180
Công ty TNHH TM DV QC Gia Ân	253.693.670	76.292.456
Cộng	279.098.280	152.864.636

6.3. Chi tiết các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Nguyễn Hải	-	866.477.578
Đoàn Quốc Cương	-	479.868.190
Phạm Thị Ánh Tuyết	-	915.921.358
Trần Thanh Hùng	-	641.611.950
Nhữ Đình Thiện	949.792.450	-
Nguyễn Phú Hiên	1.346.573.562	-
Cao Khánh Chi	419.238.500	-
Khác	1.877.007.039	1.748.355.503
Cộng	4.592.611.551	4.652.234.579

6.4. Chi tiết các khoản phải thu khác

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Đỗ Thị Thanh Thủy (*)	1.569.000.000	1.569.000.000
Lê Thị Thành (*)	4.069.115.288	4.069.115.288
Thái Thụy Tuyết Hạnh (*)	7.303.000.000	7.303.000.000
Thái Thụy Tuyết Ngân (*)	9.753.339.819	9.753.339.819
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	258.878.000	301.277.778
Khác	16.904.467	44.300.000
Cộng	22.970.237.574	23.040.032.885

(*) Các khoản phải thu các cá nhân này đã được trích lập dự phòng 100%.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Tạm ứng	355.872.087	65.712.637
Ký quỹ thuê xe	-	100.000.000
Ký quỹ thẻ taxi	12.999.700	2.999.700
Cộng	368.871.787	168.712.337

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tài sản cổ định khác VND</i>	<i>Cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.643.441.290	131.753.825	6.775.195.115
Số dư cuối năm	6.643.441.290	131.753.825	6.775.195.115
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.933.910.808	131.753.825	6.065.664.633
Khấu hao trong năm	666.488.835	-	666.488.835
Số dư cuối năm	6.600.399.643	131.753.825	6.732.153.468
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	709.530.482	-	709.530.482
Số dư cuối năm	43.041.647	-	43.041.647

Nguyên giá tài sản cổ định hữu hình cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.579.646.171 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>
	<i>VND</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.154.058.000
Số dư cuối năm	1.154.058.000
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	882.610.439
Khấu hao trong năm	171.448.478
Số dư cuối năm	1.054.058.917
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	271.447.561
Số dư cuối năm	99.999.083

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nâng cấp phần mềm Bravo	45.000.000	-
Cộng	45.000.000	-

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đầu tư dài hạn khác	29.383.000.000	-
Cộng	29.383.000.000	-

Công ty mua nợ chuyển đổi của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) theo Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-02/04-2015 được ký vào ngày 09/04/2015. Theo đó, SCSC đồng ý bán một phần nợ chuyển đổi phát hành năm 2015 cho Công ty với giá trị khoản nợ là 29.383.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là trong vòng 2 năm kể từ ngày ký Hợp đồng mua nợ chuyển đổi, lãi suất đơn 4%/năm (lãi suất này sẽ không áp dụng đối với phần khoản nợ chuyển đổi đã được chuyển đổi thành cổ phần), thanh toán lãi một lần vào ngày tròn năm của khoản nợ chuyển đổi hàng năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (tiếp theo)

Khoản nợ sẽ được chuyển đổi thành cổ phần SCSC như sau: sau 12 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 60% số nợ trên thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần, sau 24 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 40% số nợ còn lại thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần. Nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC không đạt trên 60% (so với năm trước) thì không thực hiện việc chuyển đổi, SCSC sẽ hoàn trả nợ gốc cho Công ty. Nếu chuyển đổi thì SCSC sẽ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành.

Nguồn vốn thực hiện khoản đầu tư trên bao gồm vốn tự có của Công ty (2.938.000.000 đồng) và vốn huy động (26.445.000.000 đồng). Vốn huy động là vốn nhận được từ Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M). Theo đó, V.N.M sẽ góp vốn tương ứng với tỷ lệ 90% trên tổng vốn dùng để mua nợ chuyển đổi trên và Công ty góp vốn tương ứng với tỷ lệ 10% trên tổng vốn này. Sau khi kết thúc thời hạn hợp tác (2 năm), hiệu quả hợp tác góp vốn đầu tư được phân chia theo tỷ lệ Công ty và V.N.M là 10:90.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Phí sửa chữa văn phòng 121 Lê Lợi	73.680.924	713.540.820
Chi phí chờ phân bổ khác	192.268.976	111.875.967
Cộng	265.949.900	825.416.787

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.749.975.079	1.601.633.967
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	1.050.624.760	887.783.508
Cộng	2.920.599.839	2.609.417.475

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty TNHH Du lịch Tiến Đạt	511.005.000	-
Công ty TNHH TM Quả cầu Vàng	870.000.000	270.000.000
Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	45.000.000	-
Khác	63.909.993	75.658.098
Cộng	1.489.914.993	345.658.098

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	112.302.231	65.583.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.818.424	943.122.079
Thuế thu nhập cá nhân - nhân viên công ty	73.750.485	63.681.664
Thuế thu nhập cá nhân - nhà đầu tư	557.820.646	460.321.017
Các loại thuế khác	26.300.000	26.300.000
Cộng	1.034.991.786	1.559.008.398

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Chi phí hoạt động	65.000.000	32.500.000
Chi phí khác	7.821.291	-
Cộng	72.821.291	32.500.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Phải trả khác ngắn hạn		
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	11.960.016.000	5.495.253.700
Nhận ký quỹ ngắn hạn của nhà đầu tư	16.581.999.875	14.837.425.452
Kinh phí công đoàn	111.544.988	104.059.488
Bảo hiểm xã hội	-	26.471.904
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	549.761.404	3.195.617.478
Trong đó:		
<i>Công ty CP Chứng khoán Phương Đông</i>	-	2.969.287.034
<i>Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng</i>	488.320.000	188.320.000
<i>Các đối tượng khác</i>	61.441.404	38.010.444
Cộng	29.203.322.267	23.658.828.022

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	112.384.773	94.515.764
Cộng	112.384.773	94.515.764

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải trả dài hạn khác là khoản phải trả cho Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M) theo hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC ngày 01 tháng 04 năm 2015 (Xem thuyết minh số 11).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty CP Đại lý Liên hiệp vận chuyển	13.230.000.000	13.230.000.000
Công ty CP Hàng hải Ngân Hà	13.230.000.000	13.230.000.000
Công ty CP Bông Sen Vàng	13.230.000.000	13.230.000.000
Công ty TNHH DV Vận tải tổng hợp (V.N.M)	13.230.000.000	13.230.000.000
Ông Lê Quang Sự	700.000.000	700.000.000
Ông Trần Đức Thuận	6.615.000.000	6.615.000.000
Ông Ngô Thọ Nguyên	6.615.000.000	6.615.000.000
Bà Trần Kiều Minh	6.615.000.000	6.615.000.000
Bà Trần Thị Khôi Nguyên	6.210.000.000	6.210.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hải	6.075.000.000	6.075.000.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	6.075.000.000	6.075.000.000
Bà Dương Quỳnh	6.075.000.000	6.075.000.000
Bà Nguyễn Thị Ái Vân	5.400.000.000	5.400.000.000
Bà Bùi Thị Song Thái	5.400.000.000	5.400.000.000
Bà Trần Thị Thu Thảo	5.260.000.000	5.260.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	5.260.000.000	5.260.000.000
Ông Phạm Văn Thành	5.260.000.000	5.260.000.000
Bà Trần Thị Bích Hạnh	5.260.000.000	5.260.000.000
Bà Ngô Thị Thanh	5.260.000.000	5.260.000.000
Cộng	135.000.000.000	135.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.500.000	13.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

21. DOANH THU KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi	1.248.350.618	1.486.291.534
Doanh thu hoạt động ứng trước nhà đầu tư	885.409.045	1.413.647.941
Doanh thu khác	16.195.533	2.758.627
Cộng	2.149.955.196	2.902.698.102

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí môi giới kinh doanh	2.119.262.391	2.626.278.595
Chi phí hoạt động tư vấn	11.756.728	15.144.175
Chi phí lưu ký chứng khoán	270.391.547	277.819.557
Chi phí khác	382.208.004	1.189.856.601
Cộng	2.783.618.670	4.109.098.928

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.419.339.983	4.581.087.101
Chi phí vật liệu quản lý	35.355.000	8.683.636
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	81.591.314	7.220.276
Chi phí khấu hao TSCĐ	837.937.313	922.445.311
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	32.116.772	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.340.672.634	2.227.035.350
Chi phí bằng tiền khác	402.015.677	1.086.839.297
Cộng	8.152.028.693	8.836.310.971

24. THU NHẬP KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thanh lý công cụ	3.636.364	-
Cho thuê mặt bằng (*)	5.068.603.267	5.792.281.745
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	2.466.388.889
Cổ tức lẻ	37.500	-
Thu nhập khác	569.287.034	32.711.411
Cộng	5.641.564.165	8.291.382.045

(*) Công ty tận dụng mặt bằng chưa sử dụng để cho thuê tạo thêm thu nhập.

25. CHI PHÍ KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Cho thuê mặt bằng	785.000.319	24.922.815
Chi phí phạt vi phạm hành chính	60.000.000	-
Chi phí khác	20.000.000	9
Cộng	865.000.319	24.922.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Tổng lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế (1)	1.378.191.109	4.588.196.319
Điều chỉnh tăng lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán (2)	84.407.000	-
Điều chỉnh (giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán (3)	(258.878.000)	(301.277.778)
Thu nhập tính thuế (4) = (1) + (2) + (3)	1.203.720.109	4.286.918.541
Chi phí thuế TNDN hiện hành (5) = (4) * 22%	264.818.424	943.122.079

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã được quyết toán với cơ quan thuế đến năm 2010.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	1.113.372.685	3.645.074.240
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (3) = (1) + (2)	1.113.372.685	3.645.074.240
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (4)	13.500.000	13.500.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5) = (3)/(4)	82	270

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM.

Điện thoại: (08) 3915 2188

Fax: (08) 3915 2189

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Đầu tư dài hạn khác	29.383.000.000 /	-	-	29.383.000.000 /
Phải thu khách hàng	279.098.280 /	-	152.864.636 /	279.098.280 /
Trả trước cho người bán	-	-	20.000.000 /	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.592.611.551 /	-	4.652.234.579 /	4.652.234.579 /
Phải thu khác	22.970.237.574 /	22.726.571.879 /	23.040.032.885 /	22.694.455.107 /
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.672.732.961 /	-	168.327.245.078 /	172.672.732.961 /
Cộng	229.897.680.366	22.726.571.879	196.192.377.178	22.694.455.107
			207.171.108.487	173.497.922.071
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.489.914.993 /	-	345.658.098 /	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.034.991.786 /	-	1.559.008.398 /	-
Chi phí phải trả	72.821.291 /	-	32.500.000 /	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	55.648.322.267 /	-	23.658.828.022 /	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000 /	-	408.240.000 /	-
Cộng	58.654.290.337	-	26.004.234.518	-
			58.654.290.337	26.004.234.518

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Đối với các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao, giá trị hợp lý cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Công ty không phải chịu rủi ro về giá thị trường vì không nắm giữ bất kỳ khoản đầu tư nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

<i>Công nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cuối năm				
Phải trả người bán	1.489.914.993	-	-	1.489.914.993
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.034.991.786	-	-	1.034.991.786
Chi phí phải trả	72.821.291	-	-	72.821.291
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.203.322.267	26.445.000.000	-	55.648.322.267
Doanh thu chưa thực hiện	408.240.000	-	-	408.240.000
Đầu năm				
Phải trả người bán	345.658.098	-	-	345.658.098
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.559.008.398	-	-	1.559.008.398
Chi phí phải trả	32.500.000	-	-	32.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.658.828.022	-	-	23.658.828.022
Doanh thu chưa thực hiện	408.240.000	-	-	408.240.000

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty; Các khoản phải thu khách hàng không quá hạn, cũng không bị giảm giá.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i>	<i>Giảm giá</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải thu khác	22.970.237.574	22.726.571.879	-

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Giá trị</i>
			<i>VND</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M)	Cổ đông	Hợp tác đầu tư	26.445.000.000

b. Số dư công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>
		<i>VND</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M)	Cổ đông	(26.445.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

c. Giao dịch với thành viên ban lãnh đạo chủ chốt:

<i>Đối tượng</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>
Hội đồng Quản trị	Thù lao	720.000.000	480.000.000
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Lương	995.836.235	718.613.783

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Trường
Kế toán trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc